

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 15  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Xuân Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 229/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 54 ngày 27/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cáp Hữu Trần Q, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số E, Visip II A, đường số A, KCN Visip II A, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0355.158.702.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số A, Đường số C, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Nhà không số thuộc Khu vườn rau, hẻm A, Tổ A, khu phố P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0944.414.108.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cáp Hữu Trần Q trình bày:**

Ông Q và bà D là vợ chồng, đăng ký ngày 24/9/2016 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39.

Sau khi kết hôn, ông Q và bà D sinh sống bên nhà bà D tại địa chỉ Số A, Đường số C, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến năm

2022, ông Q và bà D xây nhà mới tại khu vườn rau thuộc Tổ A, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương và chuyển đến sinh sống tại địa chỉ này từ năm 2022. Quá trình sinh sống tại đây, ông Q và bà D không có đăng ký tạm trú. Bà D vẫn còn hộ khẩu tại Số A, Đường số C, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khoảng tháng 3/2025, ông Q và bà D xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên ông Q dọn ra nhà trọ (cách nhà ông Q và bà D khoảng 01 km) sinh sống từ đó cho đến nay.

Về hôn nhân: Sau khi kết hôn cho đến nay, ông Q và bà D luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà D không thành thật trong vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình và trong các mối quan hệ bạn bè của bà D, tính tình cả hai không hợp nhau nhưng vì con chung nên ông Q, bà D cố gắng chịu đựng, nhẫn nhịn nhau mà sống. Tuy nhiên, hiện nay, ông Q cảm thấy tình cảm giữa ông và bà D ngày càng phai nhạt, không còn yêu thương, quan tâm, lo lắng, chăm sóc lẫn nhau nên ông Q và bà D đồng thuận ký đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo đơn ngày 03/4/2025 mà ông Q đã giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, khi ông Q hẹn bà D đến Tòa án để cùng nộp đơn thì bà D không đi và nói ông Q muốn làm gì thì làm. Do đó, ngày 10/4/2025, ông Q nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà D.

Mâu thuẫn giữa ông Q và bà D khi chung sống tại địa chỉ Số A, Đường số C, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và khu vườn rau thuộc Tổ A, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương thì chính quyền địa phương không biết do ông Q, bà D không có đánh nhau, không cãi vã nhau to tiếng làm ảnh hưởng an ninh trật tự tại địa phương.

Hiện nay, ông Q xác định không còn tình cảm với bà D nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà D.

Về con chung: Thời gian chung sống, ông Q và bà D có 02 con chung là Cáp Hữu Thành T (nam), sinh ngày 21/6/2018 và Cáp Hữu Gia B (nam), sinh ngày 27/5/2021. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù hiện nay, ông Q và bà D sống ly thân nhau nhưng con chung ông Q và bà D cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng. Hằng ngày, buổi sáng ông Q đưa con chung Cáp Hữu Thành T đi học, con chung Cáp Hữu Gia B do bà D đưa đi học. Chiều bà D rước cả 02 con chung về nhà ở khu vườn rau, lo cơm nước. Tối khoảng 21 giờ, ông Q đi làm về qua nhà rước con chung Cáp Hữu Thành T về nhà trọ ngủ chung với ông Q. Sáng mai, ông Q chở con chung Cáp Hữu Thành T về lại nhà bà D thay đồ và ông Q chở đi học. Khi trao đổi về vấn đề nuôi con chung, bà D đồng ý để ông Q trực tiếp nuôi 02 con chung nên ông Q và bà D mới nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 03/4/2025, trong đơn ông Q được trực tiếp nuôi 02 con chung.

Công việc hiện nay của ông Q là làm công nhân cho công ty F ở KCN V II –A thuộc phường V, TP ., tỉnh Bình Dương (nay là phường V, TP .) thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, còn bà D làm công nhân tại KCN V thuộc phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, TP .), thu nhập bao nhiêu thì ông Q không rõ, có lần nghe bà D nói khoảng 4 - 5 triệu đồng/tháng.

- **Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D:** Quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bản tự khai và chứng cứ cho Tòa án.

**Tại phiên tòa,**

- Nguyên đơn ông Cáp Hữu Trần Quang G nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà D.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Q, bà D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Ông Q nộp đơn yêu cầu ly hôn do tính tình cả hai không hợp nhau, bà D không thành thật trong vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình và trong các mối quan hệ bạn bè của bà D. Bà D không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của ông Q. Do đó, ý kiến trình bày của ông Q thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của ông Q, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa ông Q và bà D là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2025 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho bà D đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng bà D không đến. Chứng tỏ bà D cũng không còn tình cảm với ông Q, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Theo lời trình bày và chứng cứ do ông Q giao nộp, Tòa xác định được: ông Q và bà D có 02 con chung là Cáp Hữu Thành T (nam), sinh ngày 21/6/2018 và Cáp Hữu Gia B (nam), sinh ngày 27/5/2021. Sau khi ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay ông Q và bà D cùng chăm sóc 02 con chung, bà D không có ý kiến phản bác yêu cầu nuôi 02 con chung của ông Q và có ý kiến đồng ý giao 02 con chung cho ông Q nuôi dưỡng tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 03/4/2025. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q, bà D không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Ông Q được trừ số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

**Xử:**

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cáp Hữu Trần Q đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim D về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Ông Q được ly hôn bà D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, đăng ký ngày 24/9/2016 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)).

- Về con chung và nuôi con: ông Q được trực tiếp nuôi 02 con chung Cáp Hữu Thành T (nam), sinh ngày 21/6/2018 và Cáp Hữu Gia B (nam), sinh ngày 27/5/2021.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà D. Bà D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông Q. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

Ông Q chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001718, ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Ông Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**4. Trường hợp bản án được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.HCM (CS2)
- VKSND KV15 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**